



chàng xiāo shū

畅销书

noun · bestseller

Example Sentences

Zhè běn xiǎo shuō shì jīn nián de chàng xiāo shū
这本小说是今年的畅销书。

This novel is this year's bestseller.

Chàng xiāo shū pái háng bǎng shàng yǒu hěn duō xīn shū
畅销书排行榜上有很多新书。

There are many new books on the bestseller list.

Trace each character, then write the word on your own.

畅	畅	畅	畅	畅	畅	畅	畅	畅	畅	畅
销	销	销	销	销	销	销	销	销	销	销
销	销	销	销							
书	书	书	书	书	书	书				